

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 06/ĐL/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long

Địa chỉ: thôn Lựu Phố, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 02283 819 269

Hotline: 0948.372.371

Mã số doanh nghiệp: 0601070523 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 23 tháng 06 năm 2015; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 10 năm 2024.

Giấy chứng nhận ISO số HA 688.24.CIV (cấp cho địa chỉ sản xuất. kinh doanh: Lô C0 + 1 phần lô C3 – Tờ bản đồ quy hoạch KCN Hòa Xá - Phường Thành Nam – tỉnh Ninh Bình.



II. Thông tin về sản phẩm

1. **Sản phẩm:** BÁNH BÌ CHOCOLATE
2. **Thành phần:** Đường kính, dầu thực vật, bột sữa, bột kem không sữa, bánh bì, maltodextrin, bột ca cao, chất nhũ hóa (INS 322), hương liệu tổng hợp (hương vani, hương socola).
3. **Hạn sử dụng:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**
 - a. Bao bì trực tiếp: Bao bì PVC. Chất lượng bao bì phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30 tháng 08 năm 2011 của Bộ y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
 - b. Bao bì dùng lưu trữ, vận chuyển, bảo quản: Dạng hũ hoặc khay PP/PE xếp vào thùng dạng thùng carton hình chữ nhật, khối lượng đóng gói được ghi rõ trên thùng sản phẩm.
5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất.**

Sản xuất tại: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long

Điện thoại: 02283 819 269

Hotline: 0948 372 371

Nhà máy sản xuất: Lô C0 + 1 phần lô C3 – Tờ bản đồ quy hoạch KCN Hòa Xá - Phường Thành Nam – tỉnh Ninh Bình.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm;
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của chính phủ về nhãn hàng hóa
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa;
- Thông tư số 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm;

Ngoài các quy chuẩn, thông tư, nghị định trên, sản phẩm còn đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở số 06:2026/ĐL ban hành ngày 20/ 01 /2026 (có TCCS đính kèm).

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Ninh Bình, ngày 22 tháng 01 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TRẦN THỊ THU HÀ





MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN
BÁNH BÌ CHOCOLATE

- Thành phần:** Đường kính, dầu thực vật, bột sữa, bột kem không sữa, bánh bì, maltodextrin, bột cacao, chất nhũ hóa (INS 322), hương liệu tổng hợp (hương vani, hương socola).
- Ngày sản xuất:** in trên bao bì sản phẩm
- Hạn sử dụng:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất
- Cảnh báo:** Trẻ em dưới 3 tuổi ăn cần có sự giám sát của người lớn. Không ăn sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng.
- Bảo quản:** Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- Công ty sản xuất và chịu trách nhiệm về sản phẩm:**
Công ty cổ phần sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu Đại Long
Điện thoại: 02283.819.269 Hotline: 0948.372.371
Nhà máy sản xuất: Lô C0 + 1 phần lô C3 - KCN Hòa Xá – phường Thành Nam – Tỉnh Ninh Bình.
- Xuất xứ:** Việt Nam
- Thông tin dinh dưỡng**

Bảng 3: Thông tin dinh dưỡng của sản phẩm

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)		
Thành phần dinh dưỡng	*Trên 100g	% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	480 kcal	24
Chất đạm (Protein)	3.3 g	6.6
Carbohydrate	65 g	23.6
Đường tổng	23 g	-
Hàm lượng chất béo	19 g	33.9
Hàm lượng natri	110 mg	5.5
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values – NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100g.		

Ghi chú: * Giá trị thực tế không nhỏ hơn 80% so với giá trị ghi trong bảng trên



Mã số/ Code: DV142510644/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI LONG
- Địa chỉ/ Address : Thôn Lựu Phố, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Tên mẫu thử/ Name of Sample : Bánh Bì Chocolate
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu đựng trong túi PE. Khối lượng mẫu: 250 g/túi; số lượng: 01 túi
- Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 09/12/2025
- Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/ Date of test : 09/12/2025-23/12/2025
- Ngày trả kết quả/ Date of issue : 23/12/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng	Kcal/100g	512,23	VNT.H.03.Fo.277
2	Protein	g/100g	3,48	TCVN 10034:2013
3	Béo tổng *	g/100g	24,87	TCVN 4072:2009
4	Carbohydrate hiệu dụng	g/100g	68,62	VNT.H.03.Fo.187
5	Đường tổng (Fructose, Glucose, Sucrose/ Saccharose, Maltose, Lactose) – Phương pháp sắc ký lỏng	g/100g	20,17	VNT.H.03.Fo.53
6	Natri (Na)	mg/100g	116,31	TCVN 10916:2015
7	Arsen (As)	mg/kg	KPH	TCVN 10912:2015
8	Chì (Pb)	mg/kg	< LOQ = 0,08	TCVN 10912:2015
9	Cadimi (Cd)	mg/kg	< LOQ = 0,03	TCVN 10912:2015

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
 VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Địa chỉ hoạt động: Lô D10/10 Đường Tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
 Điện thoại: 024.66.86.76.88 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn



VILAS 1236
 ISO/IEC 17025:2017

VIMCERTS 123

Mã số/ Code: DV142510644/01

Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
Chì (Pb)	mg/kg	< LOQ = 0,03	TCVN 10912:2015
Số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4884-1:2015
Số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010
E. coli *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008
Salmonella spp. *	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Lưu ý/ Note:

- : Không phát hiện
- : Giới hạn phát hiện của phương pháp
- : Giới hạn định lượng của phương pháp



ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items teste
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished withou
3. Tên mẫu và tên *****